

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16-9-2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tấn Nghị

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 231/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1994; có mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã Hòa B, huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng

Bị đơn: Ông Hồ Tăng S, sinh năm 1991; có đơn đề nghị không hòa giải và xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Hòa B, huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng.

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng 9, số 02 đường 30/4, phường Hòa Cường B, quận Hải C, TP.Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy T xác định, bà với ông Hồ Tăng S kết hôn vào năm 2013, đăng ký tại UBND xã Hòa B, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Hòa B, huyện Hòa Vang. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn hòa hợp nhau, không có sự quan tâm chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, hay cãi vã nên làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng và con, hai người đã sống ly thân hai năm nay. Bà T đã

cố gắng sống cam chịu để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không được. Hiện nay, bà T xác định không còn tình cảm và thương yêu ông S, xét mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Hồ Tăng S.

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Thùy T xác định, bà với ông Hồ Tăng S có một con chung là cháu Hồ H, sinh ngày 16/01/2014. Ly hôn, bà Trần Thị Thùy T giao con cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hồ Tăng S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt, ông S có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, xin giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày với các nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Tăng S xác định, ông với bà Trần Thị Thùy T kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa B, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Hòa B, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hai người không còn liên lạc hỏi thăm, chăm sóc nhau, nay bà T yêu cầu ly hôn, ông S đồng ý ly hôn với bà T.

- Về quan hệ con chung: Ông Hồ Tăng S xác định, ông với bà Trần Thị Thùy T có một con chung là cháu Hồ H, sinh ngày 16/01/2014. Ly hôn, ông S xin được nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Hồ Tăng S xác định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Hồ Tăng S, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn có đơn đề nghị không hòa giải và xin giải quyết vắng mặt, đồng thời đã có ý kiến trình bày nên quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã được bảo đảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy T xin được ly hôn với ông Hồ Tăng S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thùy T được ly hôn đối với ông Hồ Tăng S.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung là cháu Hồ H, sinh ngày 16/01/2014 cho ông Hồ Tăng S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông S xác định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà T và ông S xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Trần Thị Thùy T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trần Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với bị đơn ông Hồ Tăng S; trú tại: Thôn N, xã Hòa B, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của bà T là đúng thẩm quyền.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Tăng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đồng thời có đơn đề nghị không hòa giải và xin giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn ông Hồ Tăng S.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy T và ông Hồ Tăng S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa B, huyện Hòa Vang vào năm 2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Bà T và ông S đều xác định, lúc đầu sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, quá trình chung sống đến nay vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, sự việc kéo dài làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, hai người đã tự sống ly thân hai năm nay. Bà T xác định đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà T và ông S cùng xác định không còn tình cảm thương yêu nhau nên bà T xin ly hôn ông S cùng thống nhất yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Xét thấy ý kiến của ông S và bà T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thống nhất ly hôn của bà T và ông S, cho bà T được ly hôn ông S. Nhưng do ông S vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Hội đồng xét xử không ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn mà căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình để xét xử theo đơn yêu cầu của bà T.

[2] Về quan hệ con chung: Bà T và ông S xác định, ông bà có một con chung là cháu Hồ H, sinh ngày 16/01/2014. Ly hôn, bà T và ông S thống nhất giao con cho ông S nuôi dưỡng, Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu Hưng, cháu cũng có nguyện vọng được ở với ông S.

Xét nguyện vọng của bà T và ông S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện thực tế của bà T và ông S hiện nay nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, cả ông S và bà T xác định, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà T và ông S xác định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà T và ông S xác định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Thùy T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy T đối với ông Hồ Tăng S về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thùy T được ly hôn đối với ông Hồ Tăng S.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung là cháu Hồ H, sinh ngày 16/01/2014 cho ông Hồ Tăng S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp tại biên lai thu số 0002236 ngày 09/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về kháng cáo:

- Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 16/9/2024.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa B số 13/2013;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh